

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2009/TT-BXD

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ**quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng**

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,

Bộ Xây dựng quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Nghị định 12/CP); Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/CP); Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; (sau đây viết tắt là Nghị định 209/CP); Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng

công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 49/CP).

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện năng lực của tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng

1. Các tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại dự án; loại, cấp công trình và công việc do tổ chức đảm nhận thực hiện.

2. Năng lực của tổ chức khi trực tiếp tham gia hoạt động xây dựng được phân thành hạng 1 và hạng 2 dựa trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Năng lực hành nghề của các cá nhân trong tổ chức;

b) Kinh nghiệm hoạt động xây dựng thể hiện qua năng lực quản lý và kết quả các công việc đã thực hiện của tổ chức;

c) Khả năng tài chính, lực lượng lao động, thiết bị thi công thực có của tổ chức hoặc do tổ chức thuê để thực hiện theo yêu cầu của công việc hoặc gói thầu.

Việc phân hạng tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng là để tổ chức đó tự xác định hạng năng lực phù hợp với yêu cầu của gói thầu hoặc loại công việc khi tham gia thực hiện; là căn cứ để các cơ

quan có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ các quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các chủ thể có liên quan mà không phải là căn cứ để xếp hạng doanh nghiệp hoạt động xây dựng.

3. Chủ đầu tư căn cứ vào quy mô, tính chất gói thầu hoặc loại công việc cụ thể để lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp với gói thầu hoặc công việc đó.

Điều 3. Điều kiện năng lực của cá nhân khi hành nghề hoạt động xây dựng

1. Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

2. Cá nhân khi đảm nhận các chức danh quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định 12/CP phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Chương IV của Nghị định 12/CP. Riêng cá nhân đảm nhận các chức danh chủ nhiệm thiết kế đồ án quy hoạch, chủ trì thiết kế chuyên ngành đồ án quy hoạch xây dựng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 48, 49 của Nghị định 08/CP.

Các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng; chủ nhiệm khảo sát xây dựng do người đứng đầu tổ chức tư vấn bổ nhiệm căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định tại Nghị

định 12/CP, Nghị định 08/CP, năng lực quản lý của cá nhân đó và quy mô, tính chất của công việc.

3. Những cá nhân tham gia quản lý dự án phải có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, trừ những người làm công tác hành chính và công tác phục vụ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 4. Các lĩnh vực yêu cầu về điều kiện năng lực

1. Các lĩnh vực yêu cầu về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 12/CP.

2. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện các lĩnh vực: kiểm định chất lượng công trình xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; thi công các công việc, hạng mục công trình hoặc công trình có yêu cầu đặc biệt phải đáp ứng các điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định 12/CP và quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9 của Thông tư này.

3. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực dưới đây phải đáp ứng điều kiện năng lực theo các quy định sau:

a) Thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại Nghị định 08/CP;

b) Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế xây dựng công trình; khảo sát xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định 12/CP;

c) Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

d) Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng theo quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

Điều 5. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng

1. Năng lực của tổ chức khi thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng được phân thành 2 hạng như sau:

a) Hạng 1:

- Có ít nhất 10 người là kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc được kiểm định chất lượng xây dựng, trong đó những người chủ trì các bộ môn phải có đủ điều kiện năng lực như chủ trì thiết kế hạng 1 phù hợp với công việc đảm nhận;

- Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và có đủ thiết bị phù hợp với từng loại công tác kiểm định chất lượng xây dựng;

- Đã thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp đặc biệt hoặc cấp I, hoặc 2 công trình cấp II cùng loại.

b) Hạng 2:

- Có ít nhất 5 người là kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc được kiểm định chất lượng xây dựng, trong đó những người chủ trì các bộ môn phải có đủ điều kiện năng lực như chủ trì thiết kế hạng 2 phù hợp với công việc đảm nhận;

- Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và có đủ thiết bị phù hợp với từng loại công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng;

- Đã thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III hoặc 5 công trình cấp IV cùng loại.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng 1: Được thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

b) Hạng 2: Được thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với công trình cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

c) Đối với tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng chưa đủ điều kiện để xếp hạng thì được kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với công trình cấp IV.

Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng

1. Năng lực của tổ chức thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng được phân thành 2 hạng như sau:

a) Hạng 1:

- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các quy định hiện hành đối với tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng.

- Có ít nhất 10 người là kỹ sư có chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận, có kinh nghiệm ít nhất 5 năm thiết kế, thi công hoặc giám sát công việc phù hợp với nội dung chứng nhận.

- Đã thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp đặc biệt hoặc cấp I hoặc 2 công trình cấp II cùng loại.

b) Hạng 2:

- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các quy định hiện hành đối với tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng.

- Có ít nhất 5 người là kỹ sư có chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận, có kinh nghiệm ít nhất 3 năm thiết kế, thi công hoặc giám sát công việc phù hợp với nội dung chứng nhận.

- Đã thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III hoặc 5 công trình cấp IV cùng loại.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng 1: Được thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

b) Hạng 2: Được thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây

dựng đối với công trình cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

c) Đối với tổ chức chưa đủ điều kiện để xếp hạng thì được thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng đối với công trình cấp IV cùng loại.

Điều 7. Công việc, hạng mục công trình hoặc công trình có yêu cầu đặc biệt

Công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt quy định trong Thông tư này là: công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có kỹ thuật phức tạp dễ gây sự cố mất an toàn trong thi công, đòi hỏi việc thi công phải do tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng; an toàn cho người, cho công trình và các công trình lân cận.

Những công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt bao gồm:

1. Các công việc:

a) Xử lý nền móng bằng cọc barret và cọc khoan nhồi cho các loại công trình xây dựng;

b) Phá dỡ công trình có chiều cao từ 10 mét trở lên;

c) Lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng.

2. Các hạng mục công trình:

a) Tầng hầm của các công trình: nhà cao tầng, bãi đỗ xe ngầm, các loại công trình khác;

b) Đập có chiều cao trên 25 mét: bao gồm đập bê tông, đập đất, đá của công trình thủy lợi, thủy điện;

c) Bồn chứa, bể chứa, đường ống dẫn xăng, dầu, khí.

3. Các công trình:

a) Công trình nhà cao từ 20 tầng trở lên hoặc công trình có khẩu độ từ 36 mét trở lên;

b) Công trình dạng tháp có chiều cao từ 50 mét trở lên;

c) Công trình cầu có chiều dài nhịp chính từ 100 mét trở lên, cầu vòm có chiều cao từ 50 mét trở lên, cầu có trụ cao từ 30 mét trở lên;

d) Công trình ngầm: như hầm của các loại công trình khai thác mỏ, thủy điện, giao thông và các loại công trình khác;

đ) Công trình trên biển: như các công trình đê chắn sóng biển, công trình giàn khoan trên biển, đường ống dẫn dầu, khí ngoài biển và các loại công trình khác ngoài biển.

Điều 8. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện các công việc, thi công hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt

Tổ chức, cá nhân khi thi công công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt nêu tại Điều 7 của Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định 12/CP và các điều kiện năng lực sau đây:

1. Chỉ huy trưởng công trường hoặc người phụ trách kỹ thuật của tổ chức nhận thầu phải có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian liên tục tham gia thi công xây dựng tối thiểu 7 năm và đã tham gia thi công ít nhất một công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt cùng loại có quy mô tương tự hoặc quy mô ở cấp thấp hơn liền kề.

2. Những cán bộ kỹ thuật của tổ chức nhận thầu làm việc tại công trình phải có trình độ đại học hoặc cao đẳng thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian liên tục tham gia thi công xây dựng tối thiểu 2 năm đối với người có trình độ đại học, 4 năm đối với người có trình độ cao đẳng.

3. Các công nhân kỹ thuật trực tiếp thi công công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt phải có chứng chỉ đào tạo nghề phù hợp. Riêng đối với công nhân vận hành, điều khiển máy móc, thiết bị thi công chính có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thì phải có thời gian kinh nghiệm ít nhất 1 năm.

4. Máy móc, thiết bị chủ yếu để thi công công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt phải được kiểm định theo quy định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công việc và an toàn vận hành.

5. Nhà thầu đã tham gia thi công ít nhất một công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt cùng loại có cấp thấp hơn liền kề.

6. Tùy theo khối lượng công việc, quy mô công trình, tổ chức nhận thầu thực hiện công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt phải có đủ lực lượng cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và máy móc, thiết bị đảm bảo điều kiện năng lực phù hợp với từng công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của Thông tư này. Nhà thầu có thể thuê thầu phụ để đảm bảo đủ các điều kiện năng lực theo yêu cầu tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 9. Các loại công trình đặc biệt yêu cầu khi thi công phải có chuyên ngành phù hợp

Chuyên ngành phù hợp quy định tại Điều 8 của Thông tư này được hiểu là ngành chuyên môn mà người có chức danh chỉ huy trưởng công trường, người phụ trách kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật được đào tạo phù hợp với công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có

yêu cầu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, cụ thể đối với:

1. Công việc xử lý nền móng bằng cọc barret hoặc cọc khoan nhồi: yêu cầu chuyên ngành xây dựng hoặc địa chất công trình.

2. Công việc phá dỡ công trình: yêu cầu chuyên ngành xây dựng.

3. Công việc lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng: yêu cầu chuyên ngành cơ khí, lắp máy.

4. Thi công tầng hầm các công trình: yêu cầu chuyên ngành xây dựng.

5. Thi công đập: yêu cầu chuyên ngành xây dựng thủy lợi, thủy điện.

6. Thi công bồn chứa, bể chứa, đường ống dẫn xăng, dầu, khí: yêu cầu chuyên ngành xây dựng hoặc chuyên ngành cơ khí.

7. Công trình dân dụng, công nghiệp: yêu cầu chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

8. Công trình dạng tháp: yêu cầu chuyên ngành xây dựng, cơ khí hoặc lắp máy.

9. Công trình cầu: yêu cầu chuyên ngành xây dựng cầu đường.

10. Công trình ngầm: yêu cầu chuyên ngành xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm và mỏ hoặc chuyên ngành xây dựng cầu hầm.

11. Công trình trên biển: yêu cầu chuyên ngành xây dựng công trình biển.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng và chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm:

1. Lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thực hiện lập đề án quy hoạch xây dựng hoặc thực hiện công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của Nghị định 08/CP, Nghị định 12/CP và quy định của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện năng lực để thực hiện các công việc không đảm bảo chất lượng hoặc xảy ra sự cố gây thiệt hại về người và tài sản.

2. Phải thường xuyên giám sát, tạm dừng hoặc đình chỉ thực hiện công việc đến khi tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện năng lực theo hợp đồng đã ký kết, theo quy định của Nghị định 08/CP, Nghị định 12/CP và quy định của Thông tư này.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng

Tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng có trách nhiệm:

1. Chỉ được nhận thực hiện lập các đề án quy hoạch xây dựng hoặc các công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế được duyệt; tổ chức tự giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm, nghiệm thu theo quy định hiện hành.

3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc khi thực hiện thiết kế quy hoạch xây dựng hoặc khi thực hiện công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng không có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

4. Trước khi triển khai thực hiện công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt phải có biện pháp thi công được duyệt theo quy định và có các phương án quản lý, hạn chế rủi ro, đề phòng sự cố.

5. Cung cấp các thông tin về hoạt động xây dựng của doanh nghiệp trên Trang thông tin về doanh nghiệp của Bộ Xây dựng theo địa chỉ: <http://doanhnghiep.xaydung.gov.vn>

6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

b) Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu xử lý đối với các tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng vi phạm các quy định về điều kiện năng lực trên phạm vi cả nước.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng vi phạm các quy định về điều kiện năng lực trên địa bàn.

3. Các Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng trên địa bàn theo quy định của Nghị định 08/CP, Nghị định 12/CP và quy định của Thông tư này;

b) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý khi tổ chức hoạt động xây dựng vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng và của Thông tư này;

c) Cung cấp các thông tin về doanh nghiệp hoạt động xây dựng và những

tổ chức, cá nhân có các vi phạm trong hoạt động xây dựng trên Trang thông tin <http://doanhnghiep.xaydung.gov.vn> của Bộ Xây dựng.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2009.

2. Những cá nhân tham gia quản lý dự án quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này kể từ ngày 01/01/2010 phải có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

3. Bãi bỏ Quyết định số 10/2008/QĐ-BXD ngày 25/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định điều kiện năng lực của nhà thầu khi thi công công việc, hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt.

4. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Quân